



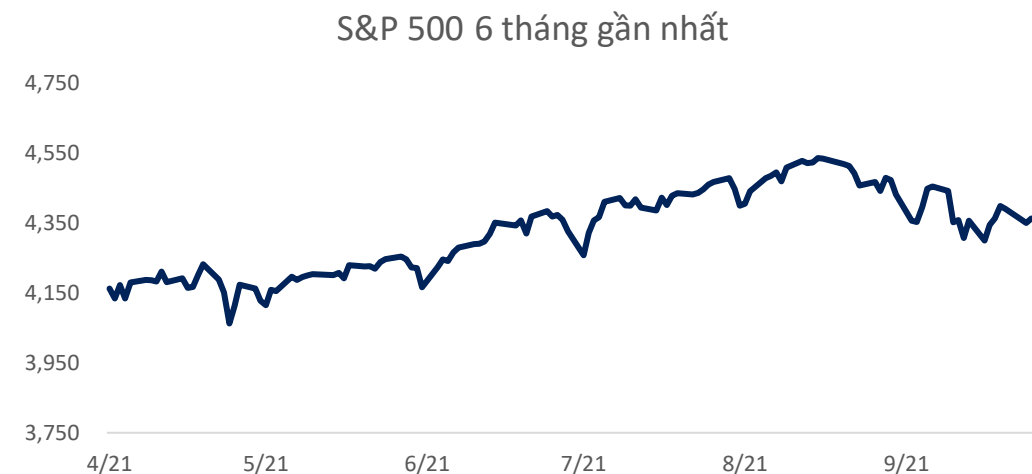
14/10/21

**DAILY** MORNING

World Bank tiếp tục hạ dự báo  
GDP Việt Nam



|                   | 14/10    | % Sáng<br>14/10 | 13/10    | % Ngày<br>13/10 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|-----------------|----------|-----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                 | 1,391.91 | -0.21%          | 2.13%  | 3.76%   |
| S&P 500           |          |                 | 4,363.80 | 0.30%           | 0.01%  | -2.35%  |
| S&P500<br>Futures | 4,367.50 | 0.29%           | 4,355.00 | 0.33%           | -0.51% | -1.52%  |
| Shanghai          |          |                 | 3,561.76 | 0.42%           | 0.72%  | -0.98%  |
| Euro Stoxx        |          |                 | 4,083.28 | 0.70%           | 1.76%  | -2.54%  |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | PTKT                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 9 tăng 0.4% so với tháng trước và tăng 5.4% so với cùng kỳ. CPI cơ bản tăng 0.2% so với tháng trước và 4% so với cùng kỳ.</li> <li>Biên bản từ cuộc họp của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) cho thấy ngân hàng trung ương Mỹ (Fed) có thể bắt đầu thu hẹp chương trình mua tài sản ngay từ giữa tháng 11/2021.</li> <li>Thặng dư thương mại Trung Quốc với Mỹ tăng 42 tỷ USD, với xuất khẩu tăng 30% trong khi nhập khẩu tăng chưa đến 17%.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Kháng cự 4500       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hỗ trợ 4000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hỗ trợ 3300         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điểm PTKT TRUNG LẬP |

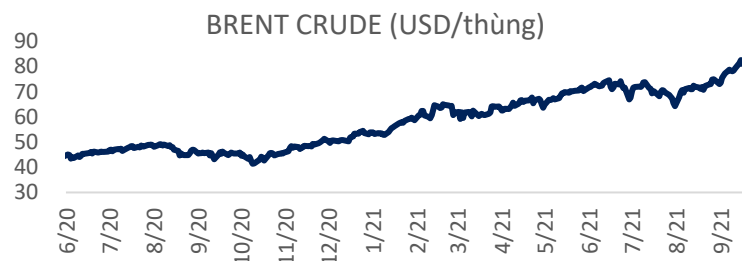


Nguồn: Bloomberg, BSC

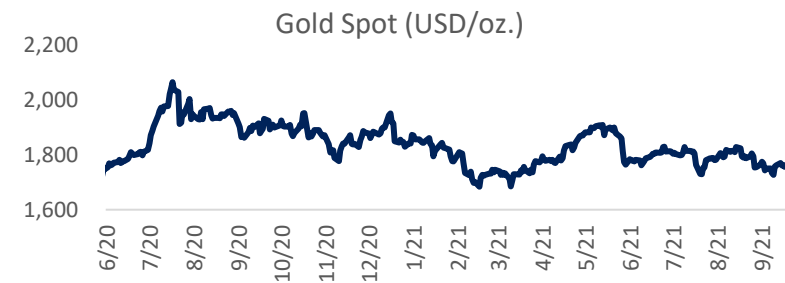


| Mặt hàng     | Đơn vị   | 14/10    | % Sáng 14/10 | 13/10   | % 13/10 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|--------------|---------|---------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 80.80    | 0.45%        | 80.44   | -0.25%  | 3.19%  | 15.05%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 83.57    | 0.47%        | 83.18   | -0.29%  | 1.98%  | 14.53%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 242.48   | 0.80%        | 240.55  | 0.95%   | 3.87%  | 14.82%  | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,791.68 | -0.07%       | 1792.97 | 1.86%   | 2.04%  | -0.71%  | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 23.05    | -0.17%       | 23.09   | 2.35%   | 2.00%  | -3.37%  | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,198.75 | 0.29%        | 1195.25 | 0.00%   | -3.89% | -6.53%  | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USd/bu.  | 720.25   | 0.21%        | 718.75  | 0.00%   | -2.83% | 2.78%   |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt. |          |              | 18.85   | 0.21%   | 1.40%  | 8.65%   | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| RUBBER       | JPY/kg.  | 227.70   | 1.07%        | 225.30  | -0.84%  | 6.35%  |         | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |              | 19.86   | -1.05%  | 0.46%  | 0.86%   | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |              | 208.65  | -2.11%  | 7.86%  | 11.70%  | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |              | 9651.00 | 1.97%   | 6.69%  | 0.93%   | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 5,444.00 | -0.55%       | 5474.00 | -3.76%  | -3.63% | 1.17%   | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |              | 3068.00 | 0.00%   | 5.90%  | 5.92%   |                    | 0                  |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 723.50   | -4.55%       | 758.00  | -2.45%  | -0.48% | -6.58%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |              | 234.85  | -2.00%  | 7.36%  | 38.15%  | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |

Ghi chú: USd = US Cent



Nguồn: Bloomberg, BSC



Nguồn: Bloomberg, BSC

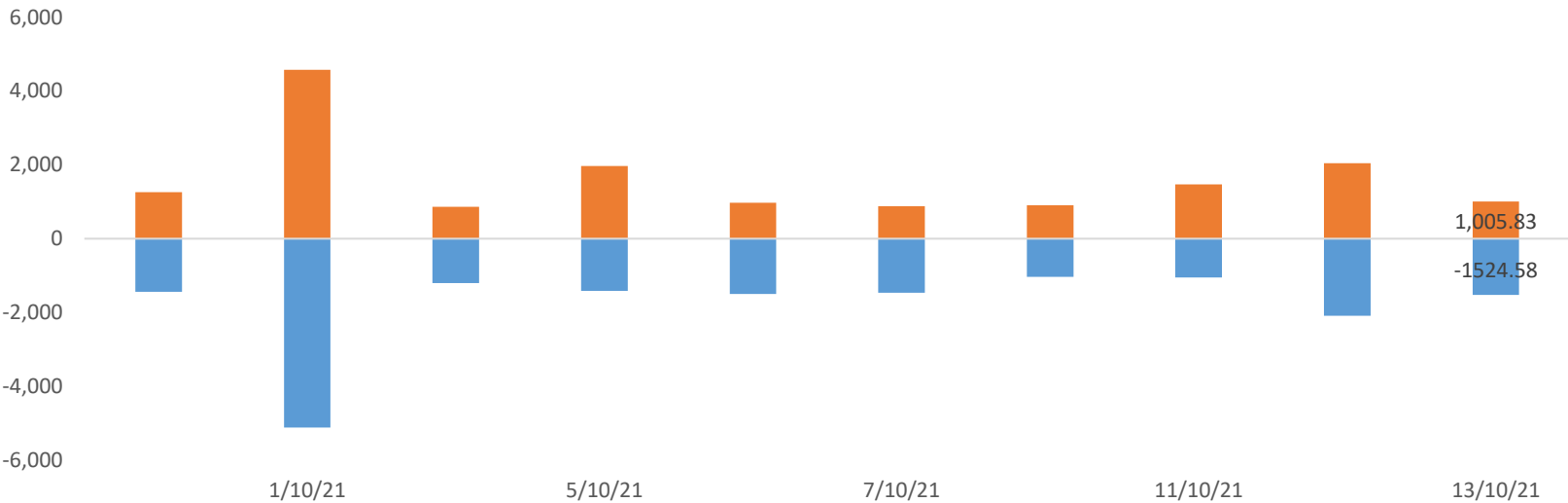
# ETF Diamond và Funbon giảm quy mô phiên thứ 4 và 6 liên tiếp

| ETF        | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %     | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |      |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------|------------------|-----------------|--------------------|-------|---------------------------|------|------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                 |                    |       | 1D                        | 1W   | 1M   | 3M    |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| VNM        | 555.3            | 19.7            | -                  | -0.3% |                           | 0.0  | 0.0  | -1.0  | 10.7 ETF ETF Diamond, Fubon giảm quy mô. Các ETFs khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô. Khối ngoại mua bán trái chiều tại các thị trường 6.0 khu vực. Họ mua ròng tại thị trường Indian, Indonesia, Malaysia, SriLanka, Thailand và bán tại các thị trường còn lại. |
| FTSE       | 394.9            | 45.4            | -                  | -0.9% |                           | 0.0  | -0.9 | -48.9 |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| iShare     | 514.7            | 0.0             | -                  | 0.0%  |                           | 0.0  | 0.0  | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| E1VFN30    | 455.4            | 1.1             | 0.0                | 0.5%  |                           | 0.0  | -3.4 | -20.1 |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| FUEVFN30   | 556.2            | 1.2             | (1.3)              | 0.6%  |                           | -1.5 | -4.2 | -34.2 |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| FUBON FTSE | 483.3            | 0.6             | (3.0)              | -0.2% |                           | -1.8 | -8.7 | -12.3 |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| FUESSVFL   | 117.2            | 0.9             | 0.0                | 0.4%  |                           | 0.0  | -0.2 | 2.3   |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| FUESSVN30  | 4.8              | 0.8             | 0.0                | 0.8%  |                           | 0.0  | 0.0  | 0.2   |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| FUEMAVN30  | 32.7             | 0.8             | (0.0)              | 0.4%  |                           | 0.0  | 0.1  | 5.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| VN100      | 5.7              | 0.8             | 0.0                | 0.8%  |                           | 0.0  | 0.0  | 0.5   |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| KIM        | 194.9            | 19.5            | -                  | -0.4% |                           | 0.0  | 3.8  | 3.7   |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| PREMIA     | 30.6             | 13.4            | -                  | -0.9% |                           | 0.0  | 0.0  | 0.5   |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| Khối ngoại<br>(tr. USD) | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                | -24.53  | -6.26                 | -71.00                 |
| ASEAN4*                 | 173.73  | 260.31                | 98.79                  |
| Ấn Độ                   | 33.82   | -9.49                 | 134.42                 |
| Đài Loan                | -419.54 | -1101.91              | -3977.79               |
| Hàn Quốc                | -30.65  | -852.25               | -1915.38               |
| Nhật Bản                |         | 9,029.76              | 6019.40                |
| Trung Quốc              |         |                       | -362.74                |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia

| Credit Default Swap | MoM % |
|---------------------|-------|
| Việt Nam            | 9.04  |
| Thái Lan            | 18.91 |
| Singapore           | 9.04  |
| Phillippines        | 39.96 |
| Malaysia            | 38.33 |



Nguồn: Fiinpro, BSC

# Tích lũy trong vùng 1380-1400 điểm

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>Ngân hàng Thế giới (WB) đã công bố báo cáo cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam tháng 10/2021. Theo đó, tổ chức này ước tính tăng trưởng năm nay của Việt Nam đạt 2-2.5%, thấp hơn đáng kể so với dự báo 4.8% công bố hồi tháng 9. Mức dự báo mới dựa trên cơ sở GDP quý 3 giảm sâu 6.2% so với cùng kỳ năm trước và dự báo trong thời gian tới việc vận hành trở lại của nền kinh tế cũng sẽ đối diện với một số thách thức.</li><li>Ngân hàng Nhà nước vừa công bố Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong đó, NHNN bổ sung quy định không được cho khách hàng vay để mua nợ, ngừa khả năng che giấu nợ xấu.</li><li>Kể từ 6h sáng ngày 14/10, nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn, uống ở Hà Nội được phục vụ tại chỗ.</li></ul> |           |
| Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
| Xu hướng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Hồi phục  |
| Chỉ báo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Trung lập |
| Kháng cự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1400      |
| Hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1330      |



Nguồn: Trading view, BSC

- PLP: Đã thông qua việc triển khai phát hành 20 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- AAM: Doanh thu thuần trong quý III/2021 của Công ty đạt 13,8 tỷ đồng, giảm 43%. Tuy nhiên, nhờ doanh thu tài chính gấp 12 lần cùng kỳ, chủ yếu là từ lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu và kỳ phiếu đã giúp AAM có lãi.
- TDS: Lũy kế 9 tháng đầu năm, TDS ghi nhận doanh thu 1.658 tỷ đồng, tăng 6,2% và lợi nhuận sau thuế 46,3 tỷ đồng, tăng 148% so với cùng kỳ và vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế 191%
- VCA: Quý III/2021, VCA ghi nhận doanh thu 580 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 2 tỷ đồng, lần lượt giảm 4% và 48% so với cùng kỳ năm 2020. Lũy kế 9 tháng, doanh nghiệp ghi nhận 1.916 tỷ đồng doanh thu, 52,5 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và 42 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng lần lượt 21%, 155% và 154% so với cùng kỳ.
- VPH: Thông báo, ngày 26/10 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán bắt đầu từ ngày 11/11/2021.
- TNC: Ngày 21/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 22/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 05/11/2021.
- DMC: Ngày 25/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 25%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/12/2021.
- TCO: Đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 25/10/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 27/11/2021.
- MST: Đã thông qua việc triển khai phát hành hơn 2,62 triệu cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ 4%. Chi tiết sẽ được thông báo sau.
- TA9: Đã thông qua việc tạm hoãn chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%. Dự kiến thời gian chi trả vào cuối tháng 12/2021.
- PVB: Ngày 29/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 01/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/11/2021.
- IDC: Đã thông qua kế hoạch chuyển sàn từ sàn HNX sang sàn HOSE. Đồng thời nâng kế hoạch kinh doanh của công ty năm 2021 với tổng doanh thu dự kiến là 1.711,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế dự kiến là 1.032,3 tỷ đồng, lần lượt tăng 71,8% và 124,3% so với kế hoạch đầu năm. Công ty thông qua kế hoạch cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 40%, trong đó 30% là tiền mặt và 10% là cổ phiếu.
- HHV: Dự kiến sẽ tăng vốn bằng phương thức phát hành hơn 148,54 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện quyền 9:5 (cổ đông sở hữu 9 cổ phiếu được quyền mua 5 cổ phiếu mới). Vốn điều lệ dự kiến tăng lên là 4.159 tỷ đồng.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

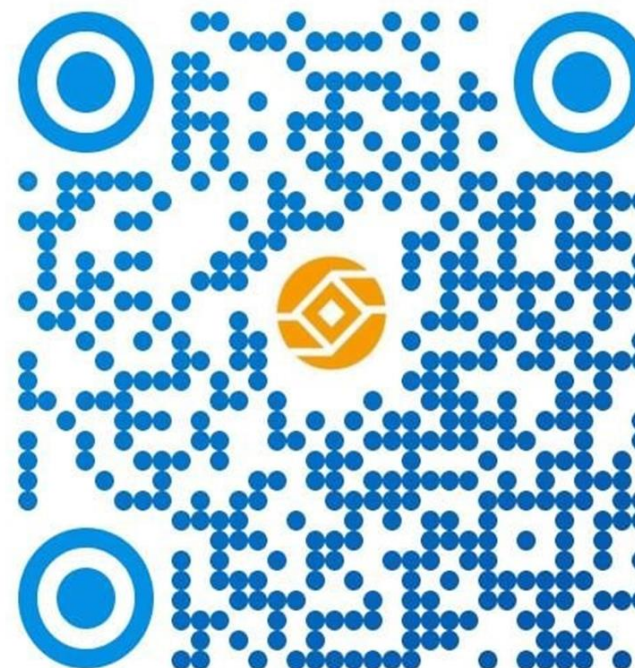
(+84)2437173639





### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*